

Số: /BC-SYT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành 03 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
(Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội, Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Sở Y tế báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước liên quan đến thực hiện chính sách

Trong những năm qua, chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, từng bước hoàn thiện nhằm bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống và thực hiện mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, làm cơ sở để các địa phương tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội và hưu trí xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở quy định của Chính phủ và điều kiện thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là HĐND thành phố Đồng Nai) đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; đồng thời ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; các Nghị quyết là cơ sở quan trọng để triển khai chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, HĐND tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tạo cơ sở thực hiện thống nhất việc chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

Sau khi sáp nhập, thành lập tỉnh Đồng Nai mới các Nghị quyết trên được áp dụng¹ chung trên địa bàn toàn thành phố với phạm vi quản lý, quy mô dân số và số lượng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai có sự thay đổi lớn. Tuy nhiên, tất cả các đối tượng đều được bảo đảm thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội được triển khai thống nhất, đồng bộ trên địa bàn thành phố.

Đặc biệt, để phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu an sinh xã hội, ngày 21 tháng 8 năm 2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội, trong đó nâng mức chuẩn hỗ trợ lên 540.000 đồng/tháng (tăng 8%) có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026, thời gian hưởng chế độ của các đối tượng từ ngày 01/7/2026. Quy định mới này tạo căn cứ quan trọng để thành phố Đồng Nai tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn, bảo đảm tính đồng bộ với quy định của Trung ương và gia tăng mức độ thụ hưởng cho người dân.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh Đồng Nai (mới), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Thành phố Đồng Nai (mới) là địa phương có quy mô dân số lớn, cơ cấu dân cư đa dạng, với nhiều đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó,

¹ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

việc bảo đảm an sinh xã hội được Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố đặc biệt quan tâm, chỉ đạo thực hiện thống nhất và hiệu quả.

Đáng chú ý, hiện nay Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND và Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND đang quy định mức chuẩn trợ cấp hàng tháng 500.000 đồng/tháng bằng mức chuẩn của Chính phủ quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024. Đồng thời Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm trên tổng số tiền chi trả, cụ thể: tối đa 0,7% đối với phương thức chi trả điện tử; tối đa 1,0% đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt tại khu vực nông thôn (các xã) và tối đa 0,9% tại khu vực thành thị (các phường).

Sau thành lập tỉnh Đồng Nai mới, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 và Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 để áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo đó các chính sách đã ban hành đều được áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Do đó, việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết này là nhiệm vụ cần thiết, nhằm làm căn cứ tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành chính sách hỗ trợ mới, tiếp tục hỗ trợ cho các nhóm đối tượng đã được quy định và đảm bảo thống nhất với quy định của Chính phủ tại Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/8/2026 về việc quy chính trợ giúp chính sách xã hội và tính kế thừa của các Nghị quyết đã ban hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các Nghị quyết

Sau khi các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nay là thành phố) được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là thành phố) đã kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện cụ thể như sau:

1. Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

2. Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

3. Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 về việc bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

4. Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

5. Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Ngoài ra, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Sở Y tế) đã ban hành công văn hướng dẫn:

1. Hướng dẫn số 04/HD-LĐTBXH ngày 08/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Công văn số 506/LĐTBXH-BTXH ngày 16/01/2025 hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Công văn số 565/SLĐTBXH-BTXH ngày 17/1/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh và Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

3. Công văn số 5112/SYT-VP ngày 02/12/2025 của Sở Y tế triển khai Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh; Công văn số 781/SYT-VP ngày 07/8/2022 của Sở Y tế triển khai Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh.

2. Kết quả thực hiện, thi hành các Nghị quyết

Công tác triển khai thực hiện chi trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

1. Đối với Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính

sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ 01/8/2022 đến 14/10/2024: Mức chuẩn hỗ trợ 400.000 đồng/tháng (tỷ lệ cao hơn mức chuẩn của Trung ương (360.000 đồng/tháng) là 40.000 đồng/tháng, tỷ lệ **11%**);

Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai từ 15/10/2024 đến 30/6/2026: Mức chuẩn hỗ trợ 500.000 đồng/tháng cho các đối tượng mở rộng của tỉnh (bằng Chính phủ quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là **500.000 đồng/tháng**), số đối tượng mở rộng của thành phố được thụ hưởng chính sách riêng từ năm 2022 đến nay là 9.348 người, **kinh phí là 53.443,5 triệu đồng**.

2. Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt và các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, chi trả qua tài khoản, tại thời điểm chi trả tháng 7/2025, tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũ đạt 90.5%. Sau thành lập tỉnh Đồng Nai mới (nay là thành phố Đồng Nai) tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũ đạt 98%.

Đối với 40 xã, phường thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ), thực hiện chi trả trực tiếp cho đối tượng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của đối tượng, không thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả.

Đối với 55 xã, phường thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai (cũ), thực hiện chi trả cho đối tượng bằng hình thức chuyển khoản thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả. Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện ký hợp đồng và thanh toán chi phí dịch vụ với đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả theo quy định; kinh phí thực hiện là hơn 10.892 triệu đồng.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Khó khăn, vướng mắc

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, địa bàn thành phố Đồng Nai được mở rộng, quy mô dân số và số lượng đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội tăng lên. Trong khi đó, chính sách trợ giúp xã hội trước đây được xây dựng trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư và khả năng cân đối ngân sách của từng tỉnh trước khi sắp xếp, do đó cần được rà soát để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Đồng Nai mới.

Quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, các nhóm đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội và mức chi phí chi trả cần được cập nhật kịp thời theo quy định mới của Chính phủ. Nếu không được sửa đổi đồng bộ, sẽ phát sinh sự không thống nhất giữa quy định của Trung ương và quy định của địa phương, ảnh hưởng đến quá trình xác định đối tượng, mức hưởng và tổ chức chi trả chính sách.

Số lượng đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn trên địa bàn thành phố lớn, trong đó có nhiều nhóm đối tượng có hoàn cảnh, điều kiện và nhu cầu trợ giúp khác nhau. Việc rà soát, xác định đúng đối tượng, mức hưởng và thời điểm hưởng đòi hỏi cơ sở phải thực hiện thường xuyên, chính xác, trong khi đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách tại cấp xã, phường còn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác.

Nguồn lực ngân sách địa phương còn phải bảo đảm cho nhiều nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác. Trong bối cảnh quy mô dân số và số lượng đối tượng thụ hưởng tăng sau sắp xếp đơn vị hành chính, việc xác định mức hỗ trợ và phạm vi đối tượng hưởng chính sách cần bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội.

b) Nguyên nhân

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh làm thay đổi phạm vi địa bàn quản lý, quy mô dân số, số lượng đối tượng và nhu cầu thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trong khi các quy định hiện hành được xây dựng theo điều kiện của địa phương trước khi sắp xếp.

Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo đảm an sinh xã hội. Do đó, một số nội dung quy định tại Nghị quyết của địa phương cần được điều chỉnh khi các quy định của Trung ương có sự thay đổi.

Công tác phối hợp, rà soát và cập nhật số liệu đối tượng giữa các cấp, các ngành trong một số trường hợp chưa kịp thời; năng lực tổ chức thực hiện chính sách tại cơ sở còn chưa đồng đều, nhất là trong giai đoạn thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND được ban hành trên cơ sở các quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và điều kiện thực tế của tỉnh Đồng Nai tại thời điểm ban hành, đến nay đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan thay đổi như:

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 “*đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố;*”

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội, trong đó tại khoản 2 Điều 4 Nghị định quy định: “**Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 540.000 đồng/tháng**”. Mức chuẩn trợ giúp xã hội này là mức tối thiểu. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định quy định: “*Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

Như vậy, mức trợ cấp 540.000 đồng/tháng của Chính phủ quy định là cơ sở để tính mức hỗ trợ cho đối tượng khó khăn của thành phố;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng 1 như sau: “*Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng) 5.310.000; Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ) 25.500*” là cơ sở để tính mức chi phí thuê người chăm sóc đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập khi nằm viện điều trị.

Đồng Nai là một thành phố mới trực thuộc Trung ương, có tổng thu ngân sách đứng thứ 04 cả nước, việc điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã được quy định tại các Nghị quyết đã ban hành phù hợp với Nghị định số 335/2026/NĐ-CP nhằm kế thừa chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai trước đây, bảo đảm quyền lợi của đối tượng khó khăn của địa phương, thể hiện được sự quan tâm của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đối với đời sống của nhóm đối tượng xã hội yếu thế.

Đồng thời căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và đề phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cần đưa nội dung Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào Nghị quyết thay thế này để tránh phải ban hành nhiều văn bản vì cùng quy định về công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố.

Vì vậy, việc xây dựng chính sách trợ giúp xã hội phải đồng thời bảo đảm quyền lợi của đối tượng thụ hưởng, tính thống nhất với quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Đây là yêu cầu đòi hỏi việc sửa đổi các Nghị quyết hiện hành phải được nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, bảo đảm tính phù hợp, khả thi và ổn định trong quá trình tổ chức thực hiện. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những vấn đề phát sinh mới nêu trên, Sở Y tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND, Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo

đảm an sinh xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn của thành phố và phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành.

Trên đây là báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/07/2022, Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai./.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Sở Tư pháp (để biết);
- Sở Tài chính (để biết);
- Lưu: VT, CSXH (Dung – Ngọc).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Mai Hương